TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 106/2026/QĐST-DS	*Quảng Ninh, ngày 14 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, các điều 150, 157, 212, 213, 482 và 483 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung các năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024 và 2025;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3; các điều 105, 116, 117, 166, khoản 1 Điều 275, các điều 278, 280, 351, 352, 353, 357, 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 90, khoản 2 Điều 91, các khoản 1 và 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các khoản 1 và 2 Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024, sửa đổi, bổ sung các năm 2024 và 2025;

Căn cứ vào Điều 7, các khoản 2, 3 và 4 Điều 8, Điều 12, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 2, khoản 5 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 34, các điều 6, 7, 36, 71 và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 231/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2026,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q1 (V); địa chỉ: tầng G, tòa nhà C, số A P,

phường C, thành phố Hà Nội; là nguyên đơn. Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Ngọc D - chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ vùng - Vùng Đông Bắc; người đại diện theo ủy quyền lại: ông Nguyễn Hoàng Q, ông Hà Quang P và ông Hoàng Anh B, đều là cán bộ ngân hàng TMCP Q1 (V); địa chỉ: tầng B, VIB H, số H L, phường H, tỉnh Quảng Ninh;

- *Bị đơn:* ông Vũ Đức C, sinh ngày 26 tháng 4 năm 1980; số định danh cá nhân: 022080000748; địa chỉ: tổ G, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hiệu lực của Hợp đồng tín dụng: chấm dứt về thời hạn cho vay và trả nợ (290 tháng) của Hợp đồng tín dụng số 107104824.25 ngày 27/3/2025 đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q1 - P1 - Chi nhánh C1 với ông Vũ Đức C.

2.2. Về khoản vay và số tiền còn nợ:

2.2.1. Về khoản vay: Các bên thừa nhận: ông Vũ Đức C có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Q1 theo Hợp đồng tín dụng số 107104824.25 ngày 27/3/2025 với số tiền gốc là 600.000.000 đồng và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 31/3/2025 với số tiền gốc là 60.000.000 đồng.

2.2.2. Về số tiền còn nợ: tính đến hết ngày 06/8/2026, ông Vũ Đức C còn nợ Ngân hàng TMCP Q1 tổng số tiền chưa thanh toán là 802.197.686đ (tám trăm linh hai triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm sáu mươi tám đồng), bao gồm:

+ Hợp đồng tín dụng số 107104824.25 ngày 27/3/2025: nợ gốc là 600.000.000 đồng; lãi trong hạn là 43.065.201 đồng; lãi quá hạn là 36.477.584 đồng. Tổng cộng là 679.542.785 đồng;

+ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 31/3/2025: nợ gốc là 58.489.800 đồng; nợ lãi thẻ tín dụng là 29.463.016 đồng; nợ phí thẻ tín dụng là 34.702.085 đồng. Tổng cộng là 122.654.901 đồng;

2.3. Về nghĩa vụ trả nợ và phương án trả nợ:

2.3.1. Ngày 07/9/2026, ông Vũ Đức C sẽ có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Q1.

2.3.2. Ngày 06/10/2026, ông Vũ Đức C sẽ có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn lại là 782.197.686đ (bảy trăm tám mươi hai triệu một trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng) cho Ngân hàng TMCP Q1.

2.3.3. Kể từ ngày 07/8/2026 trở đi, ông Vũ Đức C còn phải tiếp tục trả lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP Q1 theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên.

2.4. Về việc thế chấp tài sản và xử lý tài sản thế chấp:

2.4.1. Công nhận Hợp đồng thế chấp số 9850771.25.030 ngày 15/4/2025 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q1 - P1 - Chi nhánh C1 với ông Vũ Đức C có hiệu lực pháp luật.

2.4.2. Trường hợp ông Vũ Đức C không trả được nợ như đã thoả thuận nêu trên thì Ngân hàng TMCP Q1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp nêu trên theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 23, tại địa chỉ: tổ C, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ C, khu C, phường C, tỉnh Quảng Ninh), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 897068, số vào sổ cấp GCN: CN353 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 31/12/2024 đứng tên ông Nguyễn Anh D1; ngày 11/4/2025 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C xác nhận chuyển nhượng cho ông Vũ Đức C.

2.4.3. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Vũ Đức C phải tiếp tục có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q1 các khoản tiền còn nợ và phát sinh mới cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.5. Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

2.5.1. Ông Vũ Đức C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.032.965đ (mười tám triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi năm đồng).

2.5.2. Ngân hàng TMCP Q1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 15.991.497đ (mười lăm triệu, chín trăm chín mươi mốt nghìn, bốn trăm chín mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001826 ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

2.5.3. Ông Vũ Đức C phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền 10.600.000đ (mười triệu, sáu trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSNDKV1-Quảng Ninh;

THẨM PHÁN

- Phòng THADSKV1-Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu trữ.

Nguyễn Thành Lâm